

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
Km77+500, X.Kim Liên - H.Kim Thành - T.Hải Dương
Tel : 02203 560641 - Fax : 02203 560642

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I-NĂM 2024

❖ **Bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

HẢI DƯƠNG, NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.888.828.388.933	2.509.714.441.789
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.545.034.994	1.038.024.304.755
1. Tiền	111	V.01	50.545.034.994	1.038.024.304.755
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	183.648.871.295	82.766.953.487
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.766.953.487	9.766.953.487
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		173.881.917.808	73.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		817.542.953.890	826.182.777.946
1. Phải thu của khách hàng	131		522.220.101.336	661.218.729.594
2. Trả trước cho người bán	132		363.872.582.079	233.152.427.702
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	9.092.887.645	9.454.237.820
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(77.642.617.170)	(77.642.617.170)
IV. Hàng tồn kho	140		774.346.406.980	527.228.306.217
1. Hàng tồn kho	141	V.04	774.846.863.251	527.728.762.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(500.456.271)	(500.456.271)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.745.121.774	35.512.099.384
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.490.738.768	6.525.911.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.097.851.946	23.829.508.946
3. Thuế và các khoản phải thu khác NN	154	V.05	2.156.531.060	5.156.678.900
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn	200		1.467.204.166.150	1.509.936.699.666
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.537.669.933	22.537.669.933
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	22.537.669.933	22.537.669.933
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.392.546.320.615	1.429.088.395.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.391.552.850.676	1.428.601.855.292
- Nguyên giá	222		2.737.352.505.847	2.738.157.584.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.345.799.655.171)	(1.309.555.729.645)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	993.469.939	486.540.675
- Nguyên giá	228		3.073.341.000	2.508.341.000

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.079.871.061)	(2.021.800.325)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
V. Chi phí trả trước dài hạn	260		52.120.175.602	58.310.633.766
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	52.120.175.602	58.310.633.766
Tổng cộng tài sản	270		3.356.032.555.083	4.019.651.141.455
A. Nợ phải trả	300		2.815.781.163.245	3.481.166.215.449
I. Nợ ngắn hạn	310		1.664.531.163.245	2.941.166.215.449
1. Phải trả cho người bán	311		766.823.803.225	1.504.152.875.338
2. Người mua trả tiền trước	312		376.718.301	14.348.419.040
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.790.610.933	7.457.862.602
4. Phải trả người lao động	314		16.001.318.808	12.623.743.378
5. Chi phí phải trả	315	V.17	40.634.441.243	30.515.198.317
6. Phải trả nội bộ	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	6.740.507.526	16.712.415.244
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		831.052.506.516	1.355.244.444.837
11. Dự phòng phải trả phải ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		111.256.693	111.256.693
II. Nợ dài hạn	330		1.151.250.000.000	540.000.000.000
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		0	-
8. Vay và nợ thuê tài dài hạn	338	V.20	1.151.250.000.000	540.000.000.000
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	540.251.391.838	538.484.926.006
I. Vốn chủ sở hữu	410		540.251.391.838	538.484.926.006
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		190.000.000.000	190.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		350.251.391.838	348.484.926.006
- LN chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		348.484.926.006	-51.562.358.751
- LN chưa phân phối kỳ này	421b		1.766.465.832	400.047.284.757
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Tổng cộng nguồn vốn	440		3.356.032.555.083	4.019.651.141.455


NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)


Đặng Thị Thu Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)


Lê Thu Phương

Ngày 27 tháng 04 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương
Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	3	1.263.928.617.284	745.719.438.777	1.263.928.617.284	745.719.438.777
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	01	VI.25	16.312.180.000	2.119.713.000	16.312.180.000	2.119.713.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	02		1.247.616.437.284	743.599.725.777	1.247.616.437.284	743.599.725.777
4. Giá vốn hàng bán	10	VI.27	1.210.832.102.414	734.955.559.666	1.210.832.102.414	734.955.559.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	11		36.784.334.870	8.644.166.111	36.784.334.870	8.644.166.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	VI.26	944.472.397	1.528.628	944.472.397	1.528.628
7. Chi phí tài chính	21	VI.28	14.323.442.433	3.069.215.196	14.323.442.433	3.069.215.196
Trong đó: Chi phí lãi đi vay	22		14.322.070.608	3.067.858.446	14.322.070.608	3.067.858.446
8. Chi phí bán hàng	23		708.422.417	113.699.471	708.422.417	113.699.471
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		18.544.625.569	773.461.043	18.544.625.569	773.461.043
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	25		4.152.316.848	4.689.319.029	4.152.316.848	4.689.319.029
11. Thu nhập khác	30		3.188.466.705	111.000.000	3.188.466.705	111.000.000
12. Chi phí khác	31		5.574.317.721	0	5.574.317.721	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	32		-2.385.851.016	111.000.000	-2.385.851.016	111.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	40		1.766.465.832	4.800.319.029	1.766.465.832	4.800.319.029
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50	VI.30	-	0	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	52	VI.30	1.766.465.832	4.800.319.029	1.766.465.832	4.800.319.029
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60					
	70					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Đặng Thị Thu Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Lê Thu Phương

Ngày 27 tháng 04 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		2.040.877.538.623	553.244.417.317
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		-2.814.849.341.625	-556.275.022.654
3. Tiền chi trả cho công nhân viên	03		-48.980.523.524	-373.343.011
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-3.330.584.721	-3.171.434.336
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		0	-355.000.000
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		834.302.200	10.191.693.090
9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-149.134.376.719	-68.457.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		-974.582.985.766	3.192.852.966
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TSDH khác	21		0	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22		0	-
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23		-100.000.000.000	-
4. Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	-
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		0	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		0	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		45.654.326	1.480.494
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-99.954.345.674	1.480.494
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		0	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		0	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		576.847.756.263	83.380.072.389
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-489.789.694.584	-86.339.197.740
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		87.058.061.679	-2.959.125.351
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		-987.479.269.761	235.208.109
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.038.024.304.755	1.123.716.537
ảnh hưởng của thay TGHĐ quy đổi ngoại tệ				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		50.545.034.994	1.358.924.646

Ngày 27 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Đặng Thị Thu Hòa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Lê Thu Phương

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

I./ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1- Hình thức sở hữu vốn: *Cổ phần.*

2- Lĩnh vực kinh doanh: *Sản xuất, thương mại, dịch vụ.*

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất mua bán phôi thép; sản xuất mua bán các sản phẩm kim loại; sản xuất mua bán các vật liệu xây dựng.

- Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, quặng man gan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực).

- Kinh doanh dịch vụ kho bãi; cân thuê; mua bán xe ô tô, xe máy, thiết bị máy công trình.

- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng

- Sản xuất, mua bán giày giép, mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản.

4- Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

5- Danh sách công ty con:

Tên công ty: Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang

Địa chỉ: KCN Long Bình An, Phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thép, phôi, gang

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm: *Bắt đầu từ ngày 01/01/2024 Kết thúc vào ngày 31/12/2024*

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: *Đồng Việt Nam (Ký hiệu là VNĐ)*

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT/BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đang áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.

3- Hình thức áp dụng kế toán.

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: *Nhật ký chung.*

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, tiền gửi.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản tiền có gốc ngoại tệ được Công ty quy đổi theo tỷ giá tại ngân hàng giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ & chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

- Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

• Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được đánh giá theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua & các chi phí và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Các khoản chiết khấu thương mại & giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Chi phí bán hàng & Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính);

+ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó

+ Nguyên giá tài sản cố định được xác định một cách đáng tin cậy.

+ Thời gian sử dụng trên một năm.

+ Tài sản có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy luật hiện hành.

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).

Theo chế độ quản lý tài sản qui định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023.

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: (Công ty không có BĐS đầu tư)

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

6- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;
- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ.
- Chi phí trả trước;
- Chi phí khác;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

- Đơn vị có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến yêu cầu phải thanh toán.
- Đề ra một ước tính đáng tin cậy.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH.
 - + *Vốn đóng góp của các nhà đầu tư để thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh.*
 - + *Thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá.*
 - + *Các khoản nhận biểu tặng, tài trợ.*

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản (*Đơn vị không đánh giá lại tài sản*).
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Đơn vị hạch toán chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực số 10 ban hành theo QĐ 165/2002/QĐ-BTC và thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của bộ tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - + *Đơn vị đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá cho người mua.*
 - + *Đơn vị không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá, quyền kiểm soát hàng hoá.*
 - + *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*
 - + *Đơn vị đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng.*
 - + *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính
- Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chiết khấu ngắn hạn.
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Đơn vị hạch xác định theo chuẩn mực số 17 ban hành theo QĐ 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

*** Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

- Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo phân loại là:

- + Tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.
- + Tài sản dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong năm đơn vị không có khoản phải thu nào cần phải lập dự phòng.

*** Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại như sau:

- Nợ ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.
- Nợ dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm.

***Phân phối lợi nhuận:**

Lợi nhuận của đơn vị trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông (nộp về đơn vị cấp trên) phải trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, phúc lợi cho những năm sau cho đến khi đạt mức quy định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình đại hội cổ đông quyết định cho từng năm. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời gian từ 06 tháng đến 01 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày 31/03/2024***VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Bảng cân đối kế toán***ĐVT: VNĐ*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
01- Tiền		
- Tiền mặt	5.842.750.818	3.729.047.043
- Tiền gửi ngân hàng	44.702.284.176	1.034.295.257.712
Cộng	50.545.034.994	1.038.024.304.755
02- Các khoản đầu tư tài chính:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Chứng khoán kinh doanh	9.766.953.487	9.766.953.487
- Đầu tư cổ phiếu	9.766.953.487	9.766.953.487
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Dự phòng giảm chứng khoán	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	173.881.917.808	73.000.000.000
- Ngắn hạn	173.881.917.808	73.000.000.000
- Dài hạn	-	0
c) Đầu tư góp vốn đơn vị khác	-	-
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-
Cộng	183.648.871.295	82.766.953.487
03- Phải thu khách hàng:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	522.220.101.336	661.218.729.594
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	60.727.296.109	67.894.190.077
	0	0
Công ty TNHH Chung Lý	26.290.091	26.290.091
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	5.469.982.747	44.334.913.562
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	347.195.099.338	191.261.738
Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi	76.103.062.353	76.103.062.353
Công ty Cổ phần đầu tư LE MONT	-	443.078.984.425
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thượng Đình GROUP	5.136.301.700	2.355.302.110
Công ty Cổ phần Xây dựng Le Mont	-	1.114.747.570
Các khách hàng khác	27.562.068.998	26.119.977.668
- Dự phòng phải thu khó đòi	(77.642.617.170)	(77.642.617.170)
04- Trả trước cho người bán :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trả trước cho người bán	363.872.582.079	433.785.696.352
05- Phải thu khác :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khác	9.092.887.645	9.454.237.820
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Trả trước cho người bán	0	0
- Phải thu người lao động	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày 31/03/2024

- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
- Phải thu khác	-	0
Cộng	9.092.887.645	9.454.237.820
05- Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ	Số đầu năm
06- Nợ xấu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
07- Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	593.872.604.930	482.568.783.598
- Công cụ, dụng cụ	10.919.343.545	11.255.269.121
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	167.858.934.025	33.904.709.769
- Hàng hoá	2.195.980.751	0
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(500.456.270)	(500.456.271)
Cộng giá gốc hàng tồn kho	774.346.406.980	527.228.306.217

* Giá trị hàng tồn ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ, nguyên nhân và hướng xử lý;

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả;

* Lý do dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.738.157.584.937	(1.309.555.729.645)	1.428.601.855.292
Khấu hao trong năm		(36.243.925.526)	
Số cuối kỳ	2.737.352.505.847	(1.345.799.655.171)	1.391.552.850.676

09- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.508.341.000	2.021.800.325	486.540.675
Khấu hao trong năm		58.070.736	
Số cuối năm	3.073.341.000	2.079.871.061	993.469.939

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày 31/03/2024***10- Vay và nợ thuê tài chính****10.1 Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
10.1 Vay ngắn hạn	831.052.506.516	1.355.244.444.837
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietinbank-Thái Nguyên	51.059.091.898	63.997.957.403
- Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV- Nam Thái Nguyên	599.998.961.487	600.000.000.000
- Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV - CN Hải Dương	79.994.453.131	79.996.487.434
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietinbank	100.000.000.000	
- Vay ngắn khác		611.250.000.000

10.2 Vay dài hạn

10.2 Vay dài hạn	1.151.250.000.000	540.000.000.000
- Vay dài hạn ngân hàng BIDV - CN Thái Nguyên	540.000.000.000	540.000.000.000
- Vay dài hạn khác	611.250.000.000	

11- Phải trả người bán**a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	766.823.803.225	1.504.152.875.338
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	0	-
Công ty TNHH MTV LOGISTICS Thái Hưng	2.871.679.370	1.303.167.225
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	40.800.486.431	186.655.672.807
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	66.506.475.100	66.504.052.878
Công ty cổ phần kim khí Bắc Thái	-	-
Công ty CP Đầu tư Eco Valley Việt Nam	79.189.524.361	18.707.904.687
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	448.910.420.605	281.927.813.805
Công ty TNHH Ất Tinh	20.195.105.813	5.536.751.319
Công ty điện lực Tuyên Quang	8.382.991.667	3.985.757.843
Công ty TNHH Tam Cừ	2.330.492.451	5.812.298.499
Công ty HH kỹ thuật khí Thuần Hóa Khai Phong	2.116.332.603	958.803.619
Xing bao (Hong Kong)		902.197.291.310
Các nhà cung cấp khác	95.520.294.824	30.563.361.346
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	0	0
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	0	-
Cộng	766.823.803.225	1.504.152.875.338

12- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**a) Phải nộp**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	2.790.610.933	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
		7.457.862.602

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày 31/03/2024

- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	2.790.610.933	7.457.862.602
13- Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí lãi suất phải trả	40.634.441.243	30.515.198.317
- Chi phí bảo lãnh	-	-
Cộng	40.634.441.243	30.515.198.317
14- Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	5.862.828.064	5.864.594.228
- Kinh phí công đoàn	114.239.771	114.239.771
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	516.364.000	10.476.780.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	247.075.691	256.801.245
Cộng	6.740.507.526	16.712.415.244

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày 31/03/2024

25- Vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	CL tỷ giá hối đoái	Cộng
A	1	2	3	6	9
Số dư đầu kỳ năm trước	190.000.000.000	-	0	-	190.000.000.000
- Lợi nhuận đầu năm trước	-				-
- Lợi nhuận trong năm trước					-
- Tặng khác					-
- Giảm vốn trong năm trước					-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá				-	-
- Lỗi trong năm trước	-51.562.358.751	-		-	-51.562.358.751
- LN khác	400.047.284.757				400.047.284.757
Số dư cuối năm trước	538.484.926.006	-	0	-	538.484.926.006
Số dư đầu năm nay	538.484.926.006	-	0	-	538.484.926.006
- Tặng vốn trong năm nay	-		-		-
- Lợi nhuận trong năm nay	1.766.465.832				1.766.465.832
- Giảm khác	0		0		0
Số dư cuối kỳ này	540.251.391.838	-	0	-	540.251.391.838

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Duy Luân	16.680.000.000	16.680.000.000
Ông Phạm Bá Phú	17.260.000.000	17.260.000.000
Ông Đặng Ngọc Hưng	11.260.000.000	11.260.000.000
Ông Trần Nguyên Hưng	9.680.000.000	9.680.000.000
Ông Trần Văn Hiếu	9.680.000.000	9.680.000.000
Các cổ đông khác	125.440.000.000	125.440.000.000
Cộng	190.000.000.000	190.000.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	190.000.000.000	190.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	190.000.000.000	190.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	190.000.000.000	190.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	111.256.693	111.256.693
- Quỹ dự phòng tài chính	84.020.227	84.020.227
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.236.466	27.236.466
+ Quỹ khen thưởng		
+ Quỹ phúc lợi		

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

3002
ÔNG
Ổ PH
B.C
INH.T

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày 31/03/2024***VII- Thông tin bổ xung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***DVT: VNĐ*

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.263.928.617.284	745.719.438.777
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	1.151.908.682.508	743.535.127.870
- Doanh thu bán thành phẩm	107.734.287.842	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.285.646.934	2.184.310.907
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;	-	-
2- Các khoản giảm trừ doanh thu	16.312.180.000	2.119.713.000
Trong đó:	-	-
- Chiết khấu thương mại	16.312.180.000	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	2.119.713.000
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
3- Giá vốn hàng bán	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.095.387.569.238	728.867.146.568
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	107.734.287.842	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.514.450.859	6.088.413.098
- Giá vốn của nguyên vật liệu	-	-
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư	-	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.210.636.307.939	734.955.559.666

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày 31/03/2024

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
4- Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	944.472.397	1.528.628
Cộng	944.472.397	1.528.628
5- Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	14.322.070.608	3.067.858.446
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
- Chi phí LC, bảo lãnh, lãi trả chậm	-2.758.734	-2.773.809
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	4.130.559	4.130.559
Cộng	14.323.442.433	3.069.215.196
6- Thu nhập khác		
- Thanh lý nhượng bán tài sản	-	-
- Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
- Tiền phạt thu được	-	-
- Thuế được giảm	-	-
- Các khoản khác	3.188.466.705	111.000.000
7- Chi phí khác		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý	-	-
- Các khoản khác	5.574.317.721	-
8- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý		
a) Các khoản chi phí QLDN	18.544.625.569	773.461.043
b) Các khoản chi phí bán hàng	708.422.417	113.699.471
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, CP QLDN	-	-

188
TY
ÂN
H
HA

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày 31/03/2024

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
Cộng	19.253.047.986	887.160.514

VIII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

IX- Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 3- Thông tin về các bên liên quan:
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(2):
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:
- 7- Những thông tin khác. (3):

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đặng Thị Thu Hoa

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Đức Phương

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2024

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hương